

An Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**Đơn đăng ký công bố thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm
chuyên ngành xây dựng theo Nghị định số 14/2026/NĐ-CP**

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 218/GCN-BXD ngày 08/09/2020;

Căn cứ giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 3347/GCN-SXD ngày 15/10/2025;

Thực hiện Công văn số/SXD-KTVLXD ngày .../.../2026 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Công ty Cổ phần Xây lắp Rạch Giá công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty Cổ phần Xây lắp Rạch Giá

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số: 17001537002

Địa chỉ: Số 50 Hà Huy Giáp, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

Điện thoại: 098 97 97 108 Email:

Mã số thuế: 1701537002

2. Thông tin Phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Rạch Giá

(Đã được cấp giấy chứng nhận số 3347/GCN-SXD Mã số: LAS-XD ANG.005)

Địa chỉ: Số 50 Hà Huy Giáp, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

Điện thoại: 098 97 97 108 Email:

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị, dụng cụ	Thí nghiệm viên phụ trách
A THỬ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG				
1	Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:2012	Dao, xẻng, ống cò để vát phía ngoài (ống vát), cung dây... hoặc ống mẫu nguyên trạng	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
2	Xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012	Cân kỹ thuật, chính xác đến 1 %; Bình tỷ trọng có dung tích không nhỏ hơn 100 cm ³ ; Cối sứ và chày sứ hoặc cối đồng và chày đồng; Rây có lưới No 2 (kích thước lỗ rây 2 mm); Bép cát; Tủ sấy; Bơm chân không có cả bình hút chân không; Tỷ trọng kế; Phễu nhỏ; Thiết bị ổn nhiệt; Cốc nhỏ hoặc hộp nhôm có nắp.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
3	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy; Cân kỹ thuật, chính xác đến 1 %; Bình hút ẩm có Canxi clorua; Cốc nhỏ bằng thủy tinh hoặc hộp nhôm có nắp thể tích lớn hơn hay bằng 30cm ³ ; Rây có đường lỗ rây 1mm; Cối sứ và chày sứ có đầu bọc cao su; khay men để phơi đất.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
4	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197: 2012; TCVN 4134 - 4:2024	Cân kỹ thuật (0,1g); Cân kỹ thuật (0,01g); Tủ sấy; Sàng 1 mm; Tấm kính nhám, chày xuyên Vaxiliep, dụng cụ Casagrande; khuôn; tấm kính nhám; sàng 1.0mm; Hộp, cối chày sứ, dao	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
5	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; TCVN 4134 - 3:2024; TCVN 4135 - 5:2024;	Bộ sàng; Cân kỹ thuật (0,1g); Cân kỹ thuật (0,01g); Tủ sấy; Nhiệt kế; Bình hút ẩm, cối chày sứ, bình phun tia... Dụng cụ để thí nghiệm xác định độ ẩm.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
6	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:1995	Máy cắt phẳng; Hộp cắt mẫu; Vòng lực 1, đồng hồ so 0-10mm; Cân kỹ thuật (0,1g); Cân kỹ thuật (0,01g); Dao vòng, thước, tấm kính...	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
7	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	Máy nén tam liên; Đồng hồ so 0-10mm, Cân kỹ thuật (0,1g); Cân kỹ thuật (0,01g); Dao vòng, dao gạt đất, thước, tấm kính...	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị, dụng cụ	Thí nghiệm viên phụ trách
8	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012	Cối đầm bao gồm cối, búa và cần dẫn búa; Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,01 kg; Sàng có lỗ 5 mm; Bình phun nước; Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ; Bình hút ẩm có Canxi clorua; Hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp để xác định độ ẩm; Dao gạt đất; khay để trộn đất, có kích thước khoảng 40 cm x 60 cm; Vải để phủ đất; Vò để đập vỡ đất cục; Cối sứ và chày bọc cao su để nghiền đất.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
9	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012	Dao vòng; Thước kẹp; Cân kỹ thuật (0,1g); Cân kỹ thuật (0,01g); Tủ sấy; Dao, cốc thủy tinh, hộp nhôm, bình hút ẩm	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
10	Xác định sức kháng cắt không cố kết – không thoát nước và cố kết – thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011	Máy nén 3 trục và phụ kiện kèm theo; Dao gạt, giấy thấm, hộp...Thiết bị để xác định độ ẩm	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
B THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
11	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng.	TCVN 8861:2011	Hệ thống chất tải; Kích thủy lực; Tấm ép cứng; Đồng hồ đo biến dạng; Giá đỡ đồng hồ đo biến dạng; Cát khô, sạch (lọt qua sàng mắt vuông 0,6 mm và nằm trên sàng 0,3 mm) để tạo phẳng bề mặt thí nghiệm; Thước ni vô.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
12	Xác định mô đun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cân Benkelman	TCVN 8867:2011	Cần đo võng Benkelman; Xe thí nghiệm; Trong suốt quá trình đo, xe đo võng phải được che bạt để tránh bị nước mưa thấm ướt và rơi vãi vật liệu; Dùng kích thủy lực có đồng hồ đo áp lực được tiêu định và thang chia áp lực không lớn hơn 0,02 Mpa	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
13	Xác khối lượng thể tích, độ ẩm của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012	Bộ phễu rót cát (nhôm/nhựa); Cát thạch anh chuẩn; Cân kỹ thuật; Dụng cụ đào đất (đục, bay, xẻng), thước đo, và khay phẳng để đảm bảo độ chính xác khi kiểm tra độ chặt.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị, dụng cụ	Thí nghiệm viên phụ trách
14	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đại	TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; TCVN 12791:2020	Bộ dao vòng tiêu chuẩn; Bộ dụng cụ nén/đóng; Cân điện tử; Tủ sấy và Dụng cụ hỗ trợ: Dao gạt đất, thước cặp (đo đường kính/chiều cao dao vòng), hộp đựng mẫu, cân và bình hút ẩm các dụng cụ vệ sinh/đo đạc	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
15	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	TCVN 9351:2012	Ống mẫu chẻ (đường kính ngoài 51mm, trong 35mm); Búa đóng (63,5 kg); Hệ thống thanh dẫn hướng; Bộ tời nâng, và giá đỡ	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
16	Thí nghiệm sức chịu tải cọc bằng phương pháp sử dụng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Hệ thống gia tải (kích thủy lực, bơm); Hệ phản lực (đối trọng bê tông/thép hoặc cọc neo); Hệ thống đo lường (đồng hồ đo lường, đồng hồ áp lực, máy đo chuyên vị) và dầm thép chịu lực	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
C	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
17	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022	Khuôn đúc mẫu; Tủ bảo dưỡng; Bàn rung; Đầm dùi; Thanh đầm; Vật nặng; Đồng hồ; Bay, xẻng; Khay, thùng.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
18	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Côn thử độ sụt; Tấm nền; Phễu đổ hỗn hợp; Thanh đầm; Bay; Đồng hồ; Thước đo.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
19	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993	Thùng kim loại hình trụ dung tích 5 lít đến 15 lít; Bàn rung; Đầm dùi; Thanh đầm; Vật nặng; Cân kỹ thuật chính xác tới 50g; Thước lá bằng thép dài 400mm;	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
20	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022	Bình pycnometer có dung tích 100 mL; Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Máy nghiền thô; Máy nghiền mịn; Bếp đun cách thủy (cách cát); Sàng có kích thước 5,0 mm; 1,25 mm và 0,125 mm; Bình hút ẩm; Axít H ₂ SO ₄ đậm đặc; CaCl ₂ khan; Nước cất.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
21	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật; Thùng ngâm có dung tích phù hợp; Tủ sấy; Bàn chải phù hợp để làm sạch mẫu; Đá mài phù hợp để làm sạch mẫu; Bình hút ẩm chứa CaCl ₂ khan.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị, dụng cụ	Thí nghiệm viên phụ trách
22	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Cân kỹ thuật; Thước đo có độ dài phù hợp và có vạch chia đến 1 mm;	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
23	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm; Khuôn đúc mẫu có hình trụ đường kính trong 150 mm, chiều cao 150 mm hoặc có hình lập phương cạnh 150 mm; Bàn chải sắt dùng để làm sạch bề mặt mẫu.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
24	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022	Máy nén có thang lực và tốc độ gia tải phù hợp để nén mẫu tới phá hủy;	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
25	Ông bê tông cốt thép thoát nước (Kiểm tra khả năng chịu tải theo phương pháp ép ba cạnh)	TCVN 9113-2012	Máy ép thủy lực; Thanh gối tựa, thanh truyền lực và các chi tiết phụ;	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
D THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA				
26	Lấy mẫu	TCVN 7572 - 1:2006	Cân kỹ thuật; Dụng cụ xúc mẫu hoặc lấy mẫu; Thiết bị chia mẫu;	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
27	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572 - 2:2006	Cân kỹ thuật; Bộ sàng tiêu chuẩn, kích thước mắt sàng 2,5mm; 5mm; 10mm; 20mm; 40mm; 70mm; 100mm và sàng lưới kích thước mắt sàng 140μm; 315μm; 630μm và 1,25mm; Máy lắc sàng; Tủ sấy.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
28	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572 - 4:2006	Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Bình dung tích, bằng thủy tinh có miệng rộng; Thùng ngâm mẫu; Khăn thấm nước; Khay chứa; Côn thủ độ sụt cốt liệu bằng thép không rỉ; Phễu chứa dùng để rót cốt liệu vào côn; Que chọc kim loại; Bình hút âm; Sàng có kích thước mắt sàng 5mm và 140μm;	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
29	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572 - 5:2006	Cân kỹ thuật; Cân thủy tĩnh, chính xác đến 1 %; Thùng ngâm mẫu; Khăn thấm nước; Thước kẹp; Bàn chải sắt; Tủ sấy.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị, dụng cụ	Thí nghiệm viên phụ trách
30	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hông	TCVN 7572 - 6:2006	Thùng đong bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1 l; 2 l; 5 l; 10 l; Cân kỹ thuật, chính xác đến 1%; Phễu chứa vật liệu; Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2:2006; Tủ sấy; Thước lá kim loại; Thanh gỗ thẳng, nhẵn, đủ cứng để gạt cốt liệu lớn.	Hoàng Tuấn Anh; Mai Xuân Thú; Đoàn GaSil;
31	Xác định độ ẩm	TCVN 7572 - 7 :2006	Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Dụng cụ đảo mẫu (thìa hoặc dao).	Hoàng Tuấn Anh; Mai Xuân Thú; Đoàn GaSil;
32	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu lớn và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572 - 8 :2006	Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Thùng rửa cốt liệu; Đồng hồ bấm giây; Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch; Que hoặc kim sắt nhỏ;	Hoàng Tuấn Anh; Mai Xuân Thú; Đoàn GaSil;
33	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572 - 9 :2006	Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, dung tích 250 ml và 100 ml; Cân kỹ thuật; Bếp cách thủy; Sàng có kích thước lỗ 20mm; Thang mẫu để so sánh; Thuốc thử: NaOH dung dịch 3%; tannin dung dịch 2%; ruru êtylic dung dịch 1%;	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
34	Xác định cường độ và độ hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572 -10 :2006	Máy nén thủy lực; Máy khoan và máy cưa đá; Máy mài nước; Thước kẹp; Thùng hoặc chậu để ngâm mẫu.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
35	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572 -11 :2006	Máy nén thủy lực có lực nén đạt 500 kN; Xi lanh bằng thép có đáy rời; Cân kỹ thuật; Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2:2006; Tủ sấy; Thùng ngâm mẫu.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
36	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn	TCVN 7572 -12 :2006	Máy Los Angeles; Bi thép; Cân kỹ thuật; Bộ tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2:2006; Tủ sấy.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
37	Xác định hàm lượng hạt trôi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572 -13 :2006	Cân kỹ thuật; Thước kẹp cải tiến; Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2:2006; Tủ sấy.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
38	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hoá	TCVN 7572 -17 :2006	Cân kỹ thuật; Tủ sấy. Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2:2006; Kim sắt và kim nhôm; Búa con.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị, dụng cụ	Thí nghiệm viên phụ trách
39	Xác định hàm lượng Mica	TCVN 7572 -20 :2006	Cân phân tích; Tủ sấy; Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572:2006; Giấy nhám; Đũa thủy tinh	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
40	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012	Cân kỹ thuật; Bộ sàng hai cái, sàng dưới có kích thước lỗ 75 um, sàng trên có kích thước lỗ 1,25 mm.. Thùng đựng mẫu có kích thước đủ để chứa mẫu và nước, cho phép khi khuấy không làm mất mẫu và nước; Khay đựng mẫu bằng kim loại; Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ ở (110 + 5) C	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú; Hoàng Tuấn Anh; Đoàn GaSil;
E	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU NỀN, MÓNG MẶT ĐƯỜNG - CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG			
41	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020	Cối đầm Proctor; Chày đầm Proctor; Máy đầm CBR/Proctor tự động; Thiết bị phụ trợ: Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước đo, dụng cụ tháo mẫu.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
42	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020	Dao dai (dao vòng) thép không gỉ; Bộ phận đóng (nắp đậy, tay cầm/búa); Dao gạt đất; Cân kỹ thuật; thước kẹp, và tủ sấy/dụng cụ đốt cồn	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
43	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020	Bộ khuôn đầm nén (khuôn, đai nối, đế); Máy nén CBR; piston xuyên; Vòng lục; Đồng hồ đo; tấm gia tải và Dụng cụ hỗ trợ: Bình ngâm mẫu, thước đo độ trương nở, lò sấy độ ẩm, cân điện tử	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
F	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA			
44	Xác định độ ổn định, độ dẻo marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall (điện tử/tự động) với bộ đo lực và biến dạng; Khuôn đúc mẫu Marshall; Búa đầm mẫu; Bể ổn nhiệt và giá nén mẫu; Các phụ kiện khác: Cân điện tử, lò sấy, găng tay cách nhiệt, chảo trộn	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
45	Xác định hàm lượng bitum trong hỗn hợp bê tông nhựa theo phương pháp chiết	TCVN 8860-2:2011	Máy chiết bitum ly tâm; Cân kỹ thuật; Tủ sấy (có điều chỉnh nhiệt độ); Dung môi; Giấy lọc; Dụng cụ hỗ trợ: Khay đựng mẫu, chậu chứa, dụng cụ tháo máy, găng tay bảo hộ.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;



STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị, dụng cụ	Thí nghiệm viên phụ trách
46	Xác định thành phần hạt cốt liệu trong bê tông nhựa	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng tiêu chuẩn (cát, đá); Máy lắc sàng: Cân kỹ thuật; Tủ sấy và Dụng cụ hỗ trợ: khay đựng mẫu, bàn chải làm sạch sàng, thìa xúc.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
47	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình tỷ trọng kế 10 lít (có nắp đậy); Bơm hút chân không; Máy rung hoặc máy lắc; Cân kỹ thuật; Bình lọc hơi nước; Thiết bị hỗ trợ: Nhiệt kế đo nhiệt độ nước, khay đựng, tủ sấy, quạt thông gió.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
48	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân kỹ thuật; Bể nước; Dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước; Tủ sấy; Nhiệt kế.	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
49	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Máy khoan lấy mẫu BTN; Cân điện tử; Cân thủy tĩnh; Lò sấy; Thùng ngâm mẫu; Dụng cụ đo độ dày (thước kẹp, panme), và khuôn đầm Marshall	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
F	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN			
50	Thử kéo	TCVN 7937:2013	Máy kéo nén vạn năng (1000kN - 2000kN); Bộ ngàm kéo chuyên dụng; Thiết bị cắt/chuẩn bị mẫu; Thước cặp, thước lá kim loại;	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
51	Thử uốn, thử uốn lại	TCVN 7937:2013 TCVN 6287:2009	Máy thử uốn thép tự động (thủy lực); Bộ gá thử uốn thép; Gói uốn; Gói đỡ; Thước đo góc;	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;
52	Thử nghiệm mối nối bằng ống ren	TCVN 8163:2009 TCVN 1371 1-2:2023 TCVN 7937-1:2013 TCVN 197-1:2014	Máy thử kéo vạn năng; Thiết bị kẹp mẫu; Bộ đo biến dạng; Thiết bị hiển thị và thu tín hiệu; Thước cặp, thiết bị gia công mẫu;	Đoàn Trường Sa; Mai Xuân Thú;



III. Cam kết

Tổ chức cam kết:

- Thông tin cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố;
- Cập nhật khi có thay đổi theo quy định.

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Ths.KS. Đoàn Trường Sa

PHỤ LỤC I

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ



STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Nguồn gốc thiết bị	Ngày Ban giao	Ghi chú
A	THIẾT BỊ THỬ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG				
1.	Dao vòng cắt đất				
2.	Cân phân tích, cân phòng thí nghiệm				
3.	Bình đo tỷ trọng đất 100ml				
4.	Bình tỷ trọng kế				
5.	Ống đong Thí nghiệm tỷ trọng kế				
6.	Bộ sàng D200				
7.	Bộ sàng D300				
8.	Cối chày sứ thí nghiệm d80-d150				
9.	Bếp Cách Cát				
10.	Bình hút ẩm thí nghiệm				
11.	Tủ sấy mẫu phòng thí nghiệm				
12.	Bộ dụng cụ thí nghiệm Vaxiliep				
13.	Bộ thí nghiệm casagrande - thiết bị xác định giới hạn chảy của đất				
14.	Máy cắt đất 2 tốc độ				
15.	Máy nén đất tam liên				
16.	Máy nén đất 1 trục nở hông				
B	THIẾT BỊ THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
17.	Cân kỹ thuật				
18.	Bộ Thí nghiệm Đo E bằng tấm ép cứng				
19.	Bộ Thí nghiệm Đo E bằng cần BENKELMAN				
20.	Phễu rót cát hiện trường bằng nhôm (xác định K)				
21.	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - dao vòng đo k				
22.	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp				

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Nguồn gốc thiết bị	Ngày Ban giao	Ghi chú
	rắc cát				
23.	Bộ thí nghiệm BENTONITE				
24.	Bộ thí nghiệm xuyên SPT				
25.	Thiết bị thí nghiệm thử tĩnh cọc BTCT				
C	THIẾT BỊ THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
26.	Bàn dẫn vữa xi măng quay tay - vn				
27.	Khuôn Le chatelier				
28.	Thùng hấp mẫu xi măng 20l				
29.	Tủ dưỡng ẩm mẫu xi măng				
30.	Bộ đo độ sụt bê tông				
31.	Khuôn đúc vữa 40x40x160mm				
32.	Khuôn đúc mẫu bê tông - bằng thép 150x300mm				
33.	Khuôn đúc mẫu bê tông - bằng thép, kích thước 15x15x15cm				
34.	Khuôn đúc mẫu bê tông - bằng nhựa, kích thước 15x15x15cm				
35.	Thước lá thép không rỉ				
36.	Bộ gá nén chẻ bê tông				
37.	Bộ đo mô đun đàn hồi của bê tông				
38.	Máy nén bê tông 2000KN				
39.	Máy thử độ thấm bê tông				
40.	Máy đo hàm lượng bọt khí bê tông				
D	THIẾT BỊ THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA				
41.	Côn thử độ sụt cốt liệu	2			
42.	Bộ thùng đo thể tích	1			
43.	Phễu đo thể tích xốp của cát	2			
44.	Phễu xác định khối lượng thể tích xốp của đá	2			
45.	Bình đo hàm lượng bụi bùn sét của cát/đá	1			





STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Nguồn gốc thiết bị	Ngày Bàn giao	Ghi chú
46.	Bộ chia mẫu cốt liệu	2			
47.	Bộ xi lanh nén đập đá dăm	1			
48.	Thước đo hạt dài dẹt (hay Thước kẹp cải tiến)				
49.	Bộ sàng D200; D300				
50.	Máy LOS ANGELES				
51.	Máy lắc sàng (rung sàng)				
52.	Lò nung thí nghiệm cốt liệu 1200 độ				
E	THIẾT BỊ THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU NỀN, MÓNG MẶT ĐƯỜNG - CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG				
53.	Bộ khuôn CBR				
54.	Bộ cối chày Proctor tiêu chuẩn				
55.	Bộ cối chày Proctor tiêu cải tiến				
56.	Máy đầm CBR/ PROCTOR tự động				
57.	Máy ép thử CBR dùng động cơ điện				
F	THIẾT BỊ THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA				
58.	Bộ khuôn MARSHALL				
59.	Bộ đầm mẫu MASHALL bằng tay				
60.	Máy đầm MARSHALL tự động				
61.	Máy nén MARSHALL				
62.	Máy quay li tâm chiết nhựa				
63.	Giấy lọc chiết nhựa				
64.	Bể ôn nhiệt MARSHALL 32 lít				
65.	Tủ sấy tổn thất nhựa				
G	THIẾT BỊ THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN				
66.	Máy kéo nén đa năng 1000KN				
67.	Bộ ngàm kẹp thép				
68.	Bộ gối uốn thép				

PHỤ LỤC II

DANH MỤC KIỂM ĐỊNH-HIỆU CHUẨN



STT	Phương tiện đo lường	Số giấy kiểm định/ hiệu chuẩn	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Đơn vị kiểm địnhhiệu chuẩn	Ghi chú
1	Đồng hồ so	346.01D/0625	28/06/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
2	Đồng hồ so	346.02D/0625	28/06/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
3	Đồng hồ so	346.03D/0625	28/06/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
4	Đồng hồ so	346.04D/0625	28/06/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
5	Đồng hồ so	346.05D/0625	28/06/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
6	Đồng hồ so	346.06D/0625	28/06/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
7	Đồng hồ so	346.07D/0625	28/06/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
8	Đồng hồ so	346.08D/0625	28/06/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
9	Máy thử nén	405.01L/0725	30/07/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
10	Đầu đo lực	405.02L/0725	30/07/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
11	Vòng Lực	405.03L/0725	30/07/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
12	Máy nén không ở hông	405.04L/0725	30/07/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
13	Cân đĩa	405.05K/0725	30/07/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
14	Tủ sấy	405.06N/0725	30/07/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
15	Cân Benkelman	405.07D/0725	30/07/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
16	Lưới sàng 0,1mm	405.08D/0725	30/07/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
17	Lưới sàng 0,63mm	405.09D/0725	30/07/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
18	Lưới sàng 2,63mm	405.10D/0725	30/07/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn

STT	Phương tiện đo lường	Số giấy kiểm định/ hiệu chuẩn	Ngày kiểm định/ hiệu chuẩn	Đơn vị kiểm định/ hiệu chuẩn	Ghi chú
19	Lưới sàng 5mm	405.11D/0725	30/07/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
20	Lưới sàng 10mm	405.12D/0725	30/07/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn
21	Máy khoan và SPT	070825/KĐ.DL CAN THO	30/07/2025	CTCP KĐ&ĐLCL CẦN THƠ	Hiệu chuẩn



PHỤ LỤC III

DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN



TT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ/ Nhiệm vụ được giao	Ghi chú
1	Mai Xuân Thú	1976	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Kỹ sư Xây dựng Cầu Đường; - Chứng nhận Quản lý phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025; - Thí nghiệm Vật liệu công trình giao thông; 	Trưởng phòng thí nghiệm Thí nghiệm viên	
2	Đoàn Trường Sa	1979	<ul style="list-style-type: none"> - Thạc sỹ Xây dựng Cầu Hầm; - Kỹ sư Xây dựng Cầu Đường; - Chứng nhận Quản lý phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025; - Thí nghiệm Vật liệu công trình giao thông; - Thí nghiệm kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của Cọc; 	Chủ nhiệm, Chủ trì, Thí nghiệm viên	
3	Hoàng Tuấn Anh	1988	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; - Chứng nhận Quản lý phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025; - Thí nghiệm phương pháp xác định tính chất cơ – lý bê tông và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường; - Thí nghiệm kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của Cọc; 	Thí nghiệm viên	
4	Đoàn Ga Sil	1998	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng; - Thí nghiệm phương pháp xác định tính chất cơ – lý bê tông và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường; 	Thí nghiệm viên	